



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy phép kinh doanh
bảo hiểm**

Số 1873/GP-UB

ngày 8 tháng 6 năm 1995

Giấy phép kinh doanh bảo hiểm do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp, có hiệu lực kể từ ngày ký và đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC01/KDBH ngày 25 tháng 3 năm 2013.

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Thái Hương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Đào Nam Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Hương	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên
Bà Trịnh Thị Quỳnh Hương	Thành viên (<i>từ ngày 20 tháng 6 năm 2017</i>)
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên (<i>đến ngày 20 tháng 6 năm 2017</i>)
Ông Lê Văn Thanh	Thành viên (<i>đến ngày 16 tháng 1 năm 2017</i>)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Học	Trưởng Ban Kiểm soát (<i>đến ngày 26 tháng 4 năm 2017</i>)
Bà Trịnh Thị Quỳnh Hương	Trưởng Ban Kiểm soát (<i>từ ngày 26 tháng 4 năm 2017</i> <i>đến ngày 20 tháng 6 năm 2017</i>)
Ông Phạm Phú Tiến	Thành viên (<i>đến ngày 20 tháng 6 năm 2017</i>)
Bà Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên (<i>đến ngày 20 tháng 6 năm 2017</i>)
Ông Vũ Duy Huỳnh	Thành viên (<i>đến ngày 16 tháng 1 năm 2017</i>)
Bà Nguyễn Bích Thủy	Thành viên (<i>đến ngày 20 tháng 6 năm 2017</i>)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Nam Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn An Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Đạt	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 21, tòa nhà MIPEC
Số 229 Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “PJICO”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của PJICO tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của PJICO cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng PJICO sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đảo Nam Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("Tổng Công ty") và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.




Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-1211/2


Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0306-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex **Mẫu B01a – DNPNT**
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 *(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)*

		Mã	Thuyết	30/6/2017	31/12/2016
		số	minh	VND	VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		3.624.468.647.223	3.653.949.661.837
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	133.798.476.482	142.517.888.593
1	Tiền	111		130.548.476.482	112.332.888.593
2	Các khoản tương đương tiền	112		3.250.000.000	30.185.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.904.536.441.450	1.924.004.410.300
1	Đầu tư ngắn hạn	121	9	1.916.262.943.907	1.941.442.314.407
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	9	(11.726.502.457)	(17.437.904.107)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		478.194.030.028	384.948.370.665
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		488.517.662.596	394.152.126.574
1.1	<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	131.1	10	416.204.818.122	328.688.155.114
1.2	<i>Phải thu khác của khách hàng</i>	131.2		72.312.844.474	65.463.971.460
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.053.877.482	2.279.180.037
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	11	58.846.884.225	54.219.757.122
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	12	(71.224.394.275)	(65.702.693.068)
IV	Hàng tồn kho	140		9.713.279.182	9.807.911.023
1	Hàng tồn kho	141	14	9.713.279.182	9.807.911.023
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		99.050.715.285	99.733.557.720
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.878.156.090	97.266.697.123
1.1	<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	151.1	15	80.209.223.347	82.755.235.936
1.2	<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	151.2		16.668.932.743	14.511.461.187
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.490.957.559	1.589.208.969
3	Tài sản ngắn hạn khác	158		681.601.636	877.651.628
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		999.175.704.796	1.092.937.523.536
1	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	28	296.233.570.788	299.882.544.212
2	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	28	702.942.134.008	793.054.979.324

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex **Mẫu B01a – DNPNT**
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 *(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC*
(tiếp theo) *ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	30/6/2017	31/12/2016
	số	minh	VND	VND
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)		637.194.378.987	639.122.388.456
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	11.702.885.439	11.533.394.107
1	Phải thu dài hạn khác	218	11.702.885.439	11.533.394.107
1.1	<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1 16	6.000.000.000	6.000.000.000
1.2	<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2	5.702.885.439	5.533.394.107
II	Tài sản cố định	220	359.701.225.104	360.143.919.637
1	Tài sản cố định hữu hình	221 17	231.243.818.219	235.731.258.872
	- Nguyên giá	222	381.413.917.617	374.190.658.494
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(150.170.099.398)	(138.459.399.622)
2	Tài sản cố định vô hình	227 18	107.453.833.406	111.762.062.060
	- Nguyên giá	228	133.880.587.411	133.338.087.411
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(26.426.754.005)	(21.576.025.351)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 19	21.003.573.479	12.650.598.705
III	Bất động sản đầu tư	240 20	85.201.645.773	86.253.527.991
	- Nguyên giá	241	96.057.873.261	96.057.873.261
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242	(10.856.227.488)	(9.804.345.270)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	172.517.281.029	175.484.633.709
1	Đầu tư vào công ty liên kết	252 21	1.350.000.000	1.350.000.000
2	Đầu tư dài hạn khác	258 22	182.701.281.029	192.668.633.709
3	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259 23	(11.534.000.000)	(18.534.000.000)
V	Tài sản dài hạn khác	260	8.071.341.642	5.706.913.012
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	8.071.341.642	5.706.913.012
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	4.261.663.026.210	4.293.072.050.293

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex **Mẫu B01a – DNPNT**
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 *(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC*
(tiếp theo) *ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
A	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	3.365.320.299.352	3.378.810.272.355
I	Nợ ngắn hạn	310	3.350.214.614.935	3.362.747.090.061
1	Phải trả người bán ngắn hạn	312	220.489.180.224	271.559.496.528
1.1	<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	312.1	24	206.883.663.724
1.2	<i>Phải trả khác cho người bán</i>	312.2	13.605.516.500	14.131.510.194
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	1.276.985.801	2.090.849.664
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	25	26.416.728.941
4	Phải trả người lao động	315	105.334.583.762	118.733.744.280
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	26	62.750.706.794
6	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	27	66.807.889.001
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	46.563.124.839	31.774.947.144
8	Dự phòng nghiệp vụ	329	2.820.575.415.573	2.820.195.317.884
8.1	<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.1	28	1.282.632.818.757
8.2	<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.2	28	1.269.404.520.271
8.3	<i>Dự phòng dao động lớn</i>	329.3	28	268.538.076.545
II	Nợ dài hạn	330	15.105.684.417	16.063.182.294
1	Phải trả dài hạn khác	333	2.047.237.300	2.053.237.300
2	Doanh thu chưa thực hiện	338	240.151.817	4.198.578.040
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	12.818.295.300	9.811.366.954
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	896.342.726.858	914.261.777.938
	Vốn chủ sở hữu	410	29	896.342.726.858
1	Vốn cổ phần	411	709.742.180.000	709.742.180.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a	709.742.180.000	709.742.180.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	13.252.855.866	13.252.855.866
3	Quỹ đầu tư phát triển	417	50.153.748.628	47.094.617.942
4	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	43.732.766.970	43.732.766.970
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	79.461.175.394	100.439.357.160
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	4.261.663.026.210	4.293.072.050.293

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B01a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	30/6/2017	31/12/2016
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Nợ khó đòi đã xử lý	VND 18.299.431.545	15.305.587.255
2	Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	VND 459.846.733.166	399.905.261.754
3	Ngoại tệ các loại (Nguyên tệ)		
-	Đô la Mỹ	USD 644.325	983.840
-	Đô la Úc	AUD 400	400
-	Euro	EUR 18.540	7.780
-	Bảng Anh	GBP 150	150

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2017

Kế toán Tổng hợp



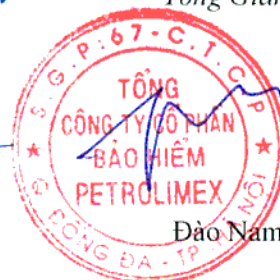
Chu Công Nguyên

Trưởng phòng Kế toán



Vương Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Đào Nam Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.083.889.360.101	1.000.365.358.763
2 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	5.121.035.101	6.144.679.305
3 Doanh thu hoạt động tài chính	12	106.963.158.127	66.351.095.612
4 Thu nhập khác	13	5.815.509.427	30.264.763.471
5 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	925.757.294.182	822.859.955.917
6 Giá vốn bất động sản đầu tư	21	2.994.798.077	2.993.048.075
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	11.362.011.084	9.728.416.671
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	158.056.115.669	157.411.566.306
9 Chi phí khác	24	6.394.827.227	29.719.786.555
10 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 11 + 12 + 13 – 20 – 21 – 22 – 23 – 24)	50	97.224.016.517	80.413.123.627
11 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17.765.068.487	15.556.568.050
13 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60	79.458.948.030	64.856.555.577
14 Lãi trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.127	931
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.045	931

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
1 Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01	30	1.299.465.911.124	1.218.768.633.506
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1.210.184.867.952	1.182.676.892.772
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		99.298.256.428	91.580.318.677
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	28	10.017.213.256	55.488.577.943
2 Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02	31	295.336.793.752	281.935.646.289
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		291.687.820.328	302.170.819.971
- (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	28	(3.648.973.424)	20.235.173.682
3 Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	03		1.004.129.117.372	936.832.987.217
4 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		79.760.242.729	63.532.371.546
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	32	79.760.242.729	63.509.861.694
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		-	22.509.852
5 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		1.083.889.360.101	1.000.365.358.763
6 Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11		703.625.285.280	504.886.640.300
- Tổng chi bồi thường	11.1		704.579.128.131	506.331.231.693
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		953.842.851	1.444.591.393
7 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		177.357.090.803	71.987.915.271
8 (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	28	(29.993.021.648)	28.136.078.741
9 Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	28	(90.112.845.316)	(23.654.255.262)
10 Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	15	33	586.388.018.145	484.689.059.032
11 Tăng dự phòng dao động lớn	16	28	20.355.906.081	19.441.727.830
12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	34	319.013.369.956	318.729.169.055
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		82.136.701.972	88.539.675.240
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		236.876.667.984	230.189.493.815
13 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		925.757.294.182	822.859.955.917
14 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	19		158.132.065.919	177.505.402.846

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
15	20		5.121.035.101	6.144.679.305
16	21		2.994.798.077	2.993.048.075
17	22		2.126.237.024	3.151.631.230
18	23	35	106.963.158.127	66.351.095.612
19	24	36	11.362.011.084	9.728.416.671
20	25		95.601.147.043	56.622.678.941
21	26	37	158.056.115.669	157.411.566.306
22	30		97.803.334.317	79.868.146.711
23	31		5.815.509.427	30.264.763.471
24	32		6.394.827.227	29.719.786.555
25	40		(579.317.800)	544.976.916
26	50		97.224.016.517	80.413.123.627
27	51	38	17.765.068.487	15.556.568.050
29	60		79.458.948.030	64.856.555.577
30		39		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.127	931
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.045	931

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2017

Kế toán Tổng hợp



Chu Công Nguyễn

Trưởng phòng Kế toán



Vương Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Đào Nam Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.227.718.988.534	1.215.958.500.449
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(892.111.955.480)	(812.400.250.853)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(182.817.258.029)	(149.951.876.634)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(13.668.205.782)	(11.127.618.175)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	246.594.292.870	192.662.506.065
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(443.934.518.886)	(288.761.226.051)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(58.218.656.773)	146.380.034.801
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(14.052.436.235)	(13.562.493.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	10.800.866	74.829.392
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(365.101.844.500)	(712.950.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	400.281.215.000	577.848.127.778
5. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	26	-	9.450.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	100.746.068.838	62.376.995.398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	121.883.803.969	(76.762.540.947)

	Mã số	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	22.314.775.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.304.340.215)	(68.853.001.575)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(72.304.340.215)	(46.538.226.575)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8.639.193.019)	23.079.267.279
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	142.517.888.593	176.116.728.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(80.219.092)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 8)	70	133.798.476.482	199.195.995.871

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2017

Kế toán Tổng hợp



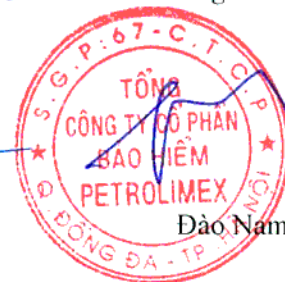
Chu Công Nguyên

Trưởng phòng Kế toán



Vương Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Đào Nam Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1873/GP-UB ngày 8 tháng 6 năm 1995 do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và Giấy phép điều chỉnh gần nhất là 67/GPĐC01/KDBH ngày 25 tháng 3 năm 2013.

Tổng Công ty có Trụ sở chính tại tầng 21, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm;
- Giám định tổn thất, giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; và
- Hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có 59 đơn vị thành viên trực thuộc, một công ty con là Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex (31/12/2016: 57 đơn vị thành viên trực thuộc, một công ty con và một công ty liên kết). Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng là 100%. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty TNHH MTV cứu hộ PJICO Hải Phòng là kinh doanh vận tải và phương tiện vận tải, đại lý môi giới bảo hiểm và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “PJICO”).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, PJICO có 1.606 nhân viên (31/12/2016: 1.614 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc, thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà PJICO có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà PJICO được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của PJICO, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà PJICO phải chia sẻ vượt quá lợi ích của PJICO trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà PJICO có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ PJICO và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi PJICO thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được PJICO nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty xác định giá trị thị trường của chứng khoán và tính toán số liệu dự phòng cần phải trích lập cho từng chứng khoán theo quy định về lập dự phòng giảm giá chứng khoán quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Trong trường hợp giá trị thị trường của chứng khoán không có hoặc không thể xác định được một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà PJICO dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi tương tự như chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của PJICO khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của PJICO khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, PJICO áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(f) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(m)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy phép Đầu tư và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 6 - 35 năm

(k) Các khoản phải trả bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả bảo hiểm và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, PJICO có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (“Thông tư 125”) và Công văn phê duyệt số 17755/BTC-QLBH ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Công văn 17755”). Phương pháp lập dự phòng và các giả định dùng khi tính dự phòng nghiệp vụ của mỗi loại sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt khi sản phẩm được phát hành.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày báo cáo và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm. Mức trích lập dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa được tính bằng 25% mức phí giữ lại trong một năm gần nhất và bằng 50% mức phí giữ lại trong một năm gần nhất đối với các loại hình bảo hiểm khác.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết và cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

Các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết là khoản tiền được trích lập để thanh toán chi phí ước tính cuối cùng cho các yêu cầu đòi bồi thường đã phát sinh và được thông báo thuộc phần trách nhiệm đến ngày báo cáo, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho các yêu cầu đòi bồi thường này. Dự phòng bồi thường chưa được giải quyết được trích lập theo từng hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường.

Các yêu cầu đòi bồi thường cho “các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các yêu cầu đòi bồi thường đã phát sinh trong kỳ kế toán hiện tại hoặc các kỳ kế toán trước, nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc công ty tái bảo hiểm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng cho IBNR được tính bằng 3% tổng số phí bảo hiểm giữ lại trong năm thuộc trách nhiệm của Tổng Công ty theo Công văn 17755.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 (“Nghị định 46”), Thông tư 125 và Công văn 17755. Dự phòng dao động lớn được lập ở mức 2% trên mức phí bảo hiểm giữ lại của tất cả các nghiệp vụ.

(n) Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được sử dụng để trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm (“Nghị định 73”), sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật định, trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được phân phối lợi nhuận còn lại theo quy định của pháp luật. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(ii) Các quỹ khác

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt.

(o) Ký quỹ bảo hiểm

Theo quy định trong Nghị định 73, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định. Khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng mà tài khoản ký quỹ đặt tại đó và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Ghi nhận doanh thu

(i) Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Thông tư 125 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125 (“Thông tư 194”). Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận dựa trên tính hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm (khi rủi ro được bảo hiểm) hoặc khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Doanh thu phí bảo hiểm bao gồm phí bảo hiểm đã đến hạn nộp nhưng chưa thu được và không bao gồm phí bảo hiểm trả trước.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

(ii) Doanh thu nghiệp vụ tái bảo hiểm

Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(m)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Hoa hồng theo lợi nhuận nhượng tái bảo hiểm được tính toán và ghi nhận theo các công thức và các điều khoản được xác định trước trong các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời. Khoản hoa hồng theo lợi nhuận này không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm. Tại ngày lập báo cáo, các khoản doanh thu và chi phí liên quan đến các khoản nhận tái bảo hiểm mà bên nhượng tái bảo hiểm chưa gửi bản thanh toán về tái bảo hiểm được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(f).

(iii) Tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của PJICO được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của PJICO mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của PJICO. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường/chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Tổng Công ty thường xuyên rà soát lại các ước tính chi phí bồi thường và chênh lệch giữa các ước tính về số tiền bồi thường phải trả và số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Do đó, các khoản chi phí bồi thường trong kỳ kế toán bao gồm các khoản đã thanh toán trong kỳ kế toán liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong kỳ đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và các điều chỉnh trong kỳ hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong các kỳ kế toán trước mang sang.

Các khoản thu hồi ước tính từ tài sản tổn thất đã được bồi thường hoặc từ thu đòi người thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị ước tính có thể thực hiện được và được ghi giảm cho các khoản nợ phải trả cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.

(s) Chi phí khai thác

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Lãi trên cổ phiếu

PJICO trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của PJICO trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của PJICO nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi PJICO và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của PJICO tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của PJICO là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của PJICO là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại, PJICO hoạt động trên một bộ phận là hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. Các yếu tố mang tính thời vụ và chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của PJICO chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ sau:

(a) Tiền thưởng nhân viên

PJICO không trích trước các khoản tiền thưởng cho nhân viên trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Thưởng cho nhân viên sẽ được xác định tại thời điểm cuối năm.

(b) Thuế

Theo luật thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được tính toán dựa trên thu nhập trước thuế của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(c) Quỹ dự trữ

PJICO trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, PJICO đang tạm trích quỹ dự trữ bắt buộc dựa trên lợi nhuận trong kỳ. Quỹ dự trữ bắt buộc này sẽ được lập đầy đủ vào cuối năm.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(d) Phân phối lợi nhuận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, PJICO không có tuyên bố phân phối lợi nhuận nào. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, nếu có, sẽ được công bố trong các quý cuối năm.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán của PJICO khi lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này so với báo cáo tài chính năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường nào trong kỳ kế toán giữa niên độ này.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có khoản mục thay đổi nào trong kỳ kế toán giữa niên độ này.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.333.070.257	10.825.335.539
Tiền gửi ngân hàng	123.506.644.049	101.507.553.054
Tiền đang chuyển	708.762.176	-
Các khoản tương đương tiền	3.250.000.000	30.185.000.000
	<hr/>	<hr/>
	133.798.476.482	142.517.888.593
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

Mẫu B09a – DNPNT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2017		31/12/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng (i) VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng (i) VND
a) Chứng khoán kinh doanh	103.477.943.907	108.649.744.550	(11.726.502.457)	110.623.099.407	(17.437.904.107)
- Tổng giá trị cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	103.477.943.907	108.649.744.550	(11.726.502.457)	110.623.099.407	(17.437.904.107)
- Ngân hàng TMCP Quân đội	32.305.029.907	27.287.579.950	(5.017.449.957)	32.305.029.907	(3.752.462.807)
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	15.000.000.000	15.964.748.400	-	15.000.000.000	(4.977.288.000)
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	10.809.632.500	7.050.000.000	(3.759.632.500)	10.809.632.500	(4.104.632.500)
- Công ty Cổ phần Xây lắp 1	7.263.000.000	8.285.200.000	-	7.263.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh	9.500.320.000	9.775.391.000	-	6.500.000.000	-
- Tổng Công ty Lương thực Thực phẩm Foodinco	9.603.574.500	11.811.985.200	-	5.737.050.000	(1.564.100.800)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	4.348.840.000	2.149.420.000	(2.199.420.000)	4.348.840.000	(2.199.420.000)
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	6.888.000.000	11.808.000.000	-	6.900.000.000	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	3.030.000.000	2.280.000.000	(750.000.000)	3.030.000.000	(840.000.000)
- Các cổ phiếu khác	4.729.547.000	12.237.420.000	-	14.000.000.000	-
				4.729.547.000	12.012.480.000
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.812.785.000.000			1.830.819.215.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (ii)	1.802.785.000.000			1.830.819.215.000	
- Trái phiếu	10.000.000.000			-	
				(*)	(*)
Tổng đầu tư tài chính ngắn hạn	1.916.262.943.907		(11.726.502.457)	1.941.442.314.407	(17.437.904.107)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

- (i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	17.437.904.107	14.554.749.126
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 36)	(5.711.401.650)	(1.426.087.290)
Số dư cuối kỳ	11.726.502.457	13.128.661.836

- (ii) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 3 đến 12 tháng bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,5 – 7,2%/năm (31/12/2016: 6,0 – 7,1%/năm).

10. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải thu phí bảo hiểm gốc	214.132.680.316	181.534.034.031
<i>Trong đó</i>		
▪ <i>Phải thu của bên mua bảo hiểm</i>	<i>147.168.675.541</i>	<i>124.525.432.625</i>
▪ <i>Phải thu từ Ngân sách Nhà nước đối với hợp đồng bảo hiểm tàu cá theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP</i>	<i>42.757.840.350</i>	<i>35.597.083.094</i>
▪ <i>Phải thu của các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</i>	<i>24.043.914.425</i>	<i>21.030.868.312</i>
▪ <i>Phải thu khác liên quan đến bảo hiểm gốc</i>	<i>162.250.000</i>	<i>380.650.000</i>
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	48.042.499.406	31.501.478.636
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	154.029.638.400	115.652.642.447
	416.204.818.122	328.688.155.114

Các khoản phải thu khách hàng có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Aon Plc.	62.227.954.419	44.707.605.665

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Công ty mẹ)		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	7.174.199.871	-
Các công ty thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Công ty liên quan khác)		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	8.360.242.307	3.489.412.117
Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)		
Các khoản phải thu	59.638.196.098	37.039.806.125

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm	7.560.237.940	8.606.878.140
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	21.650.392.332	14.379.421.932
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.417.521.869	2.486.597.749
Phải thu khác	27.218.732.084	28.746.859.301
	58.846.884.225	54.219.757.122

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	69.484.168.878	63.962.467.671
Dự phòng phải thu từ hoạt động đầu tư	1.740.225.397	1.740.225.397
	71.224.394.275	65.702.693.068

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn	Giai đoạn
	từ 1/1/2017	từ 1/1/2016
	đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	63.962.467.671	69.578.304.026
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong kỳ	5.521.701.207	(263.137.201)
Số dư cuối kỳ	69.484.168.878	69.315.166.825

13. Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016:

	30/6/2017						Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1 - 2 năm	Quá hạn 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Dự phòng	
+ Phải thu bảo hiểm gốc	46.814.550.447	8.450.069.075	7.683.915.745	4.605.316.479	26.075.249.148	35.675.949.292	11.138.601.155
+ Phải thu tái bảo hiểm	19.956.680.291	-	-	-	19.956.680.291	19.956.680.291	-
+ Tạm ứng cán bộ công nhân viên	2.763.889.762	57.575.000	60.710.120	492.109.883	2.153.494.759	2.545.599.237	218.290.525
+ Phải thu từ hoạt động đầu tư	1.740.225.397	-	-	-	1.740.225.397	1.740.225.397	-
+ Phải thu khác	13.293.391.330	1.755.517.601	705.168.556	1.353.348.912	9.479.356.261	11.305.940.058	1.987.451.272
	84.568.737.227	10.263.161.676	8.449.794.421	6.450.775.274	59.405.005.856	71.224.394.275	13.344.342.952
	31/12/2016						Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1 - 2 năm	Quá hạn 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Dự phòng	
+ Phải thu bảo hiểm gốc	41.026.885.443	6.485.970.224	4.586.447.292	5.364.170.879	24.590.297.048	32.584.231.372	8.442.654.071
+ Phải thu tái bảo hiểm	16.130.241.970	-	-	-	16.130.241.970	16.130.241.970	-
+ Tạm ứng cán bộ công nhân viên	3.239.574.049	1.803.000	24.989.560	524.476.673	2.688.304.816	3.068.474.167	171.099.882
+ Phải thu từ hoạt động đầu tư	1.740.225.397	-	-	-	1.740.225.397	1.740.225.397	-
+ Phải thu khác	13.185.034.907	228.167.080	667.005.150	1.707.650.718	10.582.211.959	12.179.520.162	1.005.514.745
	75.321.961.766	6.715.940.304	5.278.442.002	7.596.298.270	55.731.281.190	65.702.693.068	9.619.268.698

14. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo chủ yếu là giá trị của ản chi, vật phẩm cấp cho các công ty thành viên để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị của công cụ, dụng cụ chưa xuất dùng trong kỳ và các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, hàng hóa liên quan đến việc sửa chữa xe ô tô của PJICO.

15. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	82.755.235.936	90.146.362.413
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ	79.590.689.383	85.809.928.348
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ (Thuyết minh 34)	(82.136.701.972)	(88.539.675.240)
Số dư cuối kỳ	80.209.223.347	87.416.615.521

16. Ký quỹ bảo hiểm

Khoản ký quỹ bảo hiểm được đặt tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex bằng VND và hưởng lãi suất năm là 7% (31/12/2016: 6,8%). Khoản ký quỹ này theo quy định không được phép giải ngân cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc khi có sự chấp thuận trước của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn được hưởng lãi trên khoản ký quỹ và tiền lãi có thể được rút bất cứ lúc nào.

17. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	246.373.797.187	82.890.831.216	42.545.095.504	2.380.934.587	374.190.658.494
Tăng trong kỳ	-	6.787.664.464	1.160.638.677	-	7.948.303.141
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh 19)	-	-	-	905.272.727	905.272.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.609.108.246)	-	-	(1.609.108.246)
Biến động khác	-	-	(21.208.499)	-	(21.208.499)
Số dư cuối kỳ	246.373.797.187	88.069.387.434	43.684.525.682	3.286.207.314	381.413.917.617
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	52.241.330.012	57.357.085.433	27.379.355.124	1.481.629.053	138.459.399.622
Khấu hao trong kỳ	4.163.947.280	5.215.833.174	3.648.448.709	575.484.919	13.603.714.082
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.636.543.075)	-	-	(1.636.543.075)
Biến động khác	-	-	(246.666.287)	(9.804.944)	(256.471.231)
Số dư cuối kỳ	56.405.277.292	60.936.375.532	30.781.137.546	2.047.309.028	150.170.099.398
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	194.132.467.175	25.533.745.783	15.165.740.380	899.305.534	235.731.258.872
Số dư cuối kỳ	189.968.519.895	27.133.011.902	12.903.388.136	1.238.898.286	231.243.818.219

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 53,3 tỷ VND (31/12/2016: 44 tỷ VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

Mẫu B09a – DNPNT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	241.307.044.044	74.746.168.190	29.087.319.491	2.380.933.860	347.521.465.585
Tăng trong kỳ	-	8.590.970.549	576.620.000	-	9.167.590.549
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh 19)	20.000.000	-	-	-	20.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(751.075.036)	(106.806.097)	-	(857.881.133)
Biến động khác	(8.585.000)	70.856.336	(49.386.484)	-	12.884.852
Số dư cuối kỳ	241.318.459.044	82.656.920.039	29.507.746.910	2.380.933.860	355.864.059.853
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	43.546.968.956	50.973.850.762	19.273.423.054	771.803.748	114.566.046.520
Khấu hao trong kỳ	4.191.592.724	4.091.897.410	2.306.916.646	360.227.430	10.950.634.210
Thanh lý, nhượng bán	-	(751.075.036)	(95.752.763)	-	(846.827.799)
Biến động khác	(58)	(1.001.396)	(75.578.809)	-	(76.580.263)
Số dư cuối kỳ	47.738.561.622	54.313.671.740	21.409.008.128	1.132.031.178	124.593.272.668
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	197.760.075.088	23.772.317.428	9.813.896.437	1.609.130.112	232.955.419.065
Số dư cuối kỳ	193.579.897.422	28.343.248.299	8.098.738.782	1.248.902.682	231.270.787.185

18. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Quyền sử dụng đất không thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	10.514.230.173	92.676.775.511	30.147.081.727	133.338.087.411
Mua sắm mới	-	-	542.500.000	542.500.000
Số dư cuối kỳ	10.514.230.173	92.676.775.511	30.689.581.727	133.880.587.411
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.969.063.755	-	19.606.961.596	21.576.025.351
Khấu hao trong kỳ	113.571.174	-	4.737.157.480	4.850.728.654
Số dư cuối kỳ	2.082.634.929	-	24.344.119.076	26.426.754.005
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	8.545.166.418	92.676.775.511	10.540.120.131	111.762.062.060
Số dư cuối kỳ	8.431.595.244	92.676.775.511	6.345.462.651	107.453.833.406

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2,6 tỷ VND (31/12/2016: 112,3 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng (Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
*(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
 ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)*

Biến động của tài sản cố định vô hình cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Quyền sử dụng đất không thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	20.115.098.257	119.047.214.333	26.465.181.727	165.627.494.317
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 19)	-	-	406.000.000	406.000.000
Số dư cuối kỳ	20.115.098.257	119.047.214.333	26.871.181.727	166.033.494.317
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.748.579.876	-	9.591.787.858	11.340.367.734
Khấu hao trong kỳ	108.948.546	-	4.467.226.712	4.576.175.258
Số dư cuối kỳ	1.857.528.422	-	14.059.014.570	15.916.542.992
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	18.366.518.381	119.047.214.333	16.873.393.869	154.287.126.583
Số dư cuối kỳ	18.257.569.835	119.047.214.333	12.812.167.157	150.116.951.325

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	12.650.598.705	24.537.346.116
Tăng trong kỳ	10.225.088.362	7.730.399.674
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 17)	(905.272.727)	(20.000.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 18)	-	(406.000.000)
Giảm khác	(966.840.861)	-
Số dư cuối kỳ	21.003.573.479	31.841.745.790

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị đầu tư hệ thống công nghệ thông tin về quản lý nghiệp vụ bảo hiểm tại Văn phòng Tổng Công ty và xây dựng trụ sở làm việc tại các đơn vị thành viên, chi tiết như sau:

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
Văn phòng Tổng Công ty	4.015.950.390	3.409.667.814
Đơn vị thành viên tại Sơn La	7.566.435.814	3.844.343.362
Đơn vị thành viên tại Cà Mau	6.737.412.230	3.405.348.546
Đơn vị thành viên tại Quảng Nam	1.151.167.110	1.151.167.110
Đơn vị thành viên khác	1.532.607.935	840.071.873
	<hr/>	<hr/>
	21.003.573.479	12.650.598.705

20. Bất động sản đầu tư

Nhà và quyền sử dụng đất

	Giai đoạn	Giai đoạn
	từ 1/1/2017	từ 1/1/2016
	đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	96.057.873.261	60.086.566.355
	<hr/>	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	9.804.345.270	4.713.049.237
Tăng trong kỳ	1.051.882.218	1.697.101.626
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.856.227.488	6.410.150.863
	<hr/>	<hr/>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	86.253.527.991	55.373.517.118
Số dư cuối kỳ	85.201.645.773	53.676.415.492

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng và nhà gắn liền với đất của Tổng Công ty tại số 186 Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, được Tổng Công ty đầu tư xây dựng với mục đích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 5 – *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để xác định giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

21. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/6/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex	1.350.000.000	30%	1.350.000.000	30%

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Petrolimex (“Công ty liên kết”) là dịch vụ sửa chữa ô tô, cho thuê xe, kinh doanh ô tô, thiết bị ô tô và kinh doanh xăng dầu.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017		31/12/2016			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	77.701.281.029		(11.534.000.000)	77.668.633.709		(18.534.000.000)
- Đầu tư vào đơn vị khác	77.701.281.029		(11.534.000.000)	77.668.633.709		(18.534.000.000)
<i>Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng ngoại quan Vân Phong</i>	33.054.525.000	(*)	(11.534.000.000)	33.054.525.000	(*)	(18.534.000.000)
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam</i>	16.807.000.000	78.656.760.000	-	16.807.000.000	69.480.138.000	-
<i>Công ty Cổ phần Nước giải khát yên sào Khánh Hòa – Diên Khánh</i>	5.950.000.000	6.250.000.000	-	5.950.000.000	5.950.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu</i>	5.000.000.000	5.050.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
<i>Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam</i>	11.432.000.000	14.400.000.000	-	11.432.000.000	(*)	-
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	5.457.756.029	(*)	-	5.425.108.709	(*)	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.000.000.000			85.000.000.000		
- Trái phiếu doanh nghiệp	75.000.000.000	(*)	-	85.000.000.000	(*)	-
c) Ủy thác đầu tư	30.000.000.000			30.000.000.000		
Ủy thác đầu tư (i)	30.000.000.000	(*)	-	30.000.000.000	(*)	-
Tổng đầu tư dài hạn khác	182.701.281.029		(11.534.000.000)	192.668.633.709		(18.534.000.000)

(i) Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PJICO đã ký hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank ("VCBF") số 01/2016/HD/VCBF-PJICO để thực hiện đầu tư vào chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Vốn ủy thác đầu tư là 30.000.000.000 VND. Thời hạn của hợp đồng là 2 năm với tỷ suất lợi nhuận là 10%/năm và sẽ được trả vào thời điểm kết thúc hợp đồng ủy thác đầu tư.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

23. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	18.534.000.000	21.296.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 36)	(7.000.000.000)	(762.000.000)
Số dư cuối kỳ	11.534.000.000	20.534.000.000

24. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	140.170.304.513	183.335.438.740
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	21.007.709.943	34.908.859.664
Phải trả bồi thường bảo hiểm	18.294.675.095	20.393.614.298
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	12.427.765.583	7.818.579.725
Phải trả khác	14.983.208.590	10.971.493.907
	206.883.663.724	257.427.986.334

Các khoản phải trả khách hàng có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả khách hàng:

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Aon Plc.	38.109.488.690	61.538.768.648

Phải trả của khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam <i>(Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)</i> Các khoản phải trả	46.408.315.933	72.144.341.961

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Số dư tại 1/1/2017 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số dư tại 30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.399.030.553	61.229.514.013	(58.184.814.211)	15.443.730.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.674.046.318	17.992.267.037	(13.668.205.782)	9.998.107.573
Thuế nhà đất	-	388.787.609	(338.787.609)	50.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	2.306.330.480	4.618.970.841	(6.121.768.276)	803.533.045
Thuế nhà thầu	63.260.074	170.475.819	(166.979.861)	66.756.032
Thuế khác	54.447.725	373.334.390	(373.180.179)	54.601.936
	20.497.115.150	84.773.349.709	(78.853.735.918)	26.416.728.941

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Số dư tại 1/1/2016 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số dư tại 30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	16.475.769.166	101.245.447.456	(102.631.185.010)	15.090.031.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.574.990.031	15.556.568.050	(11.127.618.175)	10.003.939.906
Thuế nhà đất	-	331.604.225	(331.604.225)	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.323.825.921	4.795.707.733	(7.837.561.711)	281.971.943
Thuế nhà thầu	45.514.957	442.340.909	(353.921.685)	133.934.181
Thuế khác	54.447.725	328.197.237	(329.715.037)	52.929.925
	25.474.547.800	122.699.865.610	(122.611.605.843)	25.562.807.567

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Kinh phí công đoàn	2.008.898.086	2.935.474.916
Bảo hiểm xã hội	229.729.553	202.898.832
Bảo hiểm y tế	106.936.192	97.443.447
Bảo hiểm thất nghiệp	30.567.083	25.040.760
Cổ tức phải trả cho cổ đông	9.626.044.577	3.976.296.997
Thuế nhà thầu giữ lại (i)	11.838.072.559	11.839.572.559
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác (ii)	26.615.332.500	-
Phải trả ngắn hạn khác	12.295.126.244	9.318.520.359
	62.750.706.794	28.395.247.870

- (i) Đây là thuế nhà thầu liên quan đến các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài phát sinh từ năm 2009 đến tháng hai năm 2012 được Tổng Công ty giữ lại do đang làm thủ tục miễn giảm thuế với cơ quan thuế. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được quyết định chính thức từ cơ quan thuế về vấn đề này.

- (ii) Đây là khoản chuyển tiền đặt cọc của nhà đầu tư chiến lược thực hiện theo hợp đồng phát hành cổ phần riêng lẻ (Thuyết minh 45).

27. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	69.500.371.541	52.778.674.813
Doanh thu hoa hồng phát sinh trong kỳ	77.067.760.189	67.572.832.253
Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ (Thuyết minh 32)	(79.760.242.729)	(63.509.861.694)
Số dư cuối kỳ	66.807.889.001	56.841.645.372

28. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.282.632.818.757	296.233.570.788	986.399.247.969
Dự phòng bồi thường	1.269.404.520.271	702.942.134.008	566.462.386.263
	2.552.037.339.028	999.175.704.796	1.552.861.634.232
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>			
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.272.615.605.501	299.882.544.212	972.733.061.289
Dự phòng bồi thường	1.299.397.541.919	793.054.979.324	506.342.562.595
	2.572.013.147.420	1.092.937.523.536	1.479.075.623.884

Biến động dự phòng phí chưa được hưởng

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu kỳ	1.272.615.605.501	299.882.544.212	972.733.061.289
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	10.017.213.256	(3.648.973.424)	13.666.186.680
Số dư cuối kỳ	1.282.632.818.757	296.233.570.788	986.399.247.969

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex **Mẫu B09a – DNPNT**
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng *(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC*
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo) *ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng phí chưa được hưởng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu kỳ	1.143.214.746.000	247.279.555.196	895.935.190.804
Trích lập dự phòng trong kỳ	55.488.577.943	20.235.173.682	35.253.404.261
Số dư cuối kỳ	1.198.703.323.943	267.514.728.878	931.188.595.065

Biến động dự phòng bồi thường

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu kỳ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 33)	1.299.397.541.919 (29.993.021.648)	793.054.979.324 (90.112.845.316)	506.342.562.595 60.119.823.668
Số dư cuối kỳ	1.269.404.520.271	702.942.134.008	566.462.386.263

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND
Số dư đầu kỳ	1.096.894.501.041	621.160.987.052	475.733.513.989
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ (Thuyết minh 33)	28.136.078.741	(23.654.255.262)	51.790.334.003
Số dư cuối kỳ	1.125.030.579.782	597.506.731.790	527.523.847.992

Biến động dự phòng dao động lớn

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	248.182.170.464	207.969.681.190
Trích lập trong kỳ	20.355.906.081	19.441.727.830
Số dư cuối kỳ	268.538.076.545	227.411.409.020

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

29. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	709.742.180.000	13.252.855.866	-	47.094.617.942	43.732.766.970	100.439.357.160	914.261.777.938
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	79.458.948.030	79.458.948.030
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	3.059.130.686	-	(3.059.130.686)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(19.339.356.406)	(19.339.356.406)
Chia cổ tức cho cổ đông (Thuyết minh 41)	-	-	-	-	-	(78.071.639.800)	(78.071.639.800)
Tặng khác	-	-	-	-	-	32.997.096	32.997.096
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	709.742.180.000	13.252.855.866	-	50.153.748.628	43.732.766.970	79.461.175.394	896.342.726.858
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	709.742.180.000	3.496.950.000	(12.558.869.134)	42.439.396.654	38.444.865.555	18.383.405.750	799.947.928.825
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	64.856.555.577	64.856.555.577
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	4.655.221.288	-	(4.655.221.288)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(14.216.635.185)	(14.216.635.185)
Bán cổ phiếu quỹ	-	9.755.905.866	12.558.869.134	-	-	-	22.314.775.000
Tặng khác	-	-	-	-	-	490.678.086	490.678.086
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	709.742.180.000	13.252.855.866	-	47.094.617.942	38.444.865.555	64.858.782.940	873.393.302.303

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2017		31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	70.974.218	709.742.180.000	70.974.218	709.742.180.000
Vốn cổ phần đã phát hành	70.974.218	709.742.180.000	70.974.218	709.742.180.000
<i>Số cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.974.218</i>	<i>709.742.180.000</i>	<i>70.974.218</i>	<i>709.742.180.000</i>
Số cổ phiếu đang lưu hành	70.974.218	709.742.180.000	70.974.218	709.742.180.000
<i>Số cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.974.218</i>	<i>709.742.180.000</i>	<i>70.974.218</i>	<i>709.742.180.000</i>

30. Doanh thu phí bảo hiểm

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Phí bảo hiểm gốc	1.214.768.323.567	1.193.666.155.948
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	<i>138.711.921.419</i>	<i>127.902.998.308</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	<i>119.035.871.349</i>	<i>103.119.362.170</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	<i>124.478.323.984</i>	<i>100.588.263.828</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>559.140.425.576</i>	<i>530.816.958.691</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>96.643.259.027</i>	<i>83.815.302.493</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>147.485.226.763</i>	<i>208.022.072.119</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>29.273.295.449</i>	<i>39.401.198.339</i>
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(4.583.455.615)	(10.989.263.176)
Phí nhận tái bảo hiểm	102.029.378.848	93.174.868.164
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	<i>32.074.765.794</i>	<i>15.175.340.967</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	<i>40.990.464.173</i>	<i>45.305.527.097</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	<i>8.512.959.803</i>	<i>1.473.841.085</i>
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	<i>2.356.452.021</i>	<i>42.571.263</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>674.430.647</i>	<i>506.117.051</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>1.037.731.027</i>	<i>2.627.320.434</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>12.076.029.509</i>	<i>7.908.080.864</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>4.306.545.874</i>	<i>20.136.069.403</i>
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2.731.122.420)	(1.594.549.487)
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 28)	(10.017.213.256)	(55.488.577.943)
	1.299.465.911.124	1.218.768.633.506

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Doanh thu phí bảo hiểm gốc với các bên liên quan:

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam <i>(Công ty mẹ)</i> Doanh thu phí bảo hiểm gốc	104.108.728.360	154.493.855.957
Các công ty thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam <i>(Công ty liên quan khác)</i> Doanh thu phí bảo hiểm gốc	102.376.071.179	82.970.856.797

31. Phí nhượng tái bảo hiểm

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	291.687.820.328	302.170.819.971
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	<i>3.639.231.978</i>	<i>2.065.521.282</i>
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	<i>107.940.234.977</i>	<i>95.500.967.978</i>
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	<i>36.877.702.976</i>	<i>43.247.808.565</i>
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	<i>1.316.132.498</i>	<i>1.722.078.533</i>
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>42.066.353.010</i>	<i>46.131.690.343</i>
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	<i>82.908.423.332</i>	<i>93.158.389.307</i>
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	<i>13.300.800.196</i>	<i>19.020.029.483</i>
<i>Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính</i>	<i>3.638.941.361</i>	<i>1.324.334.480</i>
Giảm/(tăng) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 28)	3.648.973.424	(20.235.173.682)
	295.336.793.752	281.935.646.289

32. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 27)	79.760.242.729	63.509.861.694

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

33. Tổng chi bồi thường bảo hiểm

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Tổng chi bồi thường	704.579.128.131	506.331.231.693
<i>Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn</i>	103.216.492.172	88.801.789.504
<i>Bảo hiểm tài sản và thiệt hại</i>	62.982.626.585	48.528.981.213
<i>Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển</i>	26.225.539.706	34.200.662.617
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	443.467.726	184.954.551
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	311.841.558.504	246.921.163.254
<i>Bảo hiểm cháy nổ</i>	113.812.278.969	24.483.915.985
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu</i>	84.212.631.649	61.135.605.157
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	1.844.532.820	2.074.159.412
Các khoản giảm trừ	(953.842.851)	(1.444.591.393)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(177.357.090.803)	(71.987.915.271)
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 28)	(29.993.021.648)	28.136.078.741
Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 28)	90.112.845.316	23.654.255.262
	586.388.018.145	484.689.059.032

Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc với các bên liên quan:

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam <i>(Công ty mẹ)</i>		
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	113.288.050	4.845.099.619
Các công ty thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	11.728.603.033	4.697.863.529

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí hoa hồng bảo hiểm đã phân bổ (Thuyết minh 15)	82.136.701.972	88.539.675.240
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	1.590.916.054	125.246.566
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	876.473.859	2.233.460.026
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	974.562.946	1.352.584.381
Chi khác	233.434.715.125	226.478.202.842
	319.013.369.956	318.729.169.055

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	30.534.121.167	7.326.078.140
Doanh thu từ cổ tức (Thuyết minh 38(b))	9.789.646.047	4.181.915.000
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi ủy thác đầu tư	60.583.111.827	51.065.985.449
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.056.279.086	3.777.117.023
	106.963.158.127	66.351.095.612

36. Chi phí hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 9(i))	(5.711.401.650)	(1.426.087.290)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh 23)	(7.000.000.000)	(762.000.000)
Chi phí tài chính khác	24.073.412.734	11.916.503.961
	11.362.011.084	9.728.416.671

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	85.926.775.701	84.628.546.319
Chi phí vật liệu quản lý	3.838.129.625	4.014.943.880
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.844.269.141	5.724.937.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.454.442.736	15.100.610.629
Chi phí thuê và các khoản lệ phí	4.629.314.908	3.950.038.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.077.503.910	27.229.600.518
Chi phí khác bằng tiền	12.285.679.648	16.762.889.622
	158.056.115.669	157.411.566.306

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành Kỳ hiện hành	17.765.068.487	15.556.568.050

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	97.224.016.517	80.413.123.627
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.444.803.303	16.082.624.725
Chi phí không được khấu trừ thuế	278.194.393	310.326.325
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(1.957.929.209)	(836.383.000)
	17.765.068.487	15.556.568.050

(*) Bao gồm trong đó là các khoản cổ tức và lợi nhuận được chia với tổng giá trị 9.789.646.047 VND theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016: 4.181.915.000 VND) (Thuyết minh 35).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của PJICO là 20% (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

39. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	79.458.948.030	64.856.555.577
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	79.458.948.030	64.856.555.577

(*) Tại ngày báo cáo, PJICO chưa ước tính được một cách đáng tin cậy lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho kỳ tiếp theo. Nếu PJICO trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	70.512.656	69.577.348
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ bán ra trong kỳ	-	81.242
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	70.512.656	69.658.590

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.127	931

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 79.458.948.030 VND (kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2016: 64.856.555.577 VND) và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng là 75.178.807 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2016: 69.658.590 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	79.458.948.030	64.856.555.577

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	70.512.656	69.658.590
Ảnh hưởng của số cổ phiếu sẽ phát hành cho nhà đầu tư (*)	5.520.217	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	76.032.873	69.658.590

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/PJICO-NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của PJICO đã thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ tăng vốn phát hành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex.

Vào ngày 5 tháng 5 năm 2017, PJICO đã thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác chiến lược ba bên với Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd (“SFMI”) và thông qua hợp đồng đặt mua cổ phần giữa PJICO và SFMI. Số cổ phần được đặt mua là 17.743.555 cổ phiếu, tương đương 20% vốn cổ phần tại ngày hoàn thành.

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.045	931

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

40. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	30/6/2017	31/12/2016
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,95	14,89
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	85,05	85,11
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78,97	78,70
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,03	21,30
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,27	1,27
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,08	1,09
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,61	0,61
		<hr/>	
	Đơn vị	Giai đoạn	Giai đoạn
		từ 1/1/2017	từ 1/1/2016
		đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
		VND	VND
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	8,09	7,29
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	6,61	5,88
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2,28	2,04
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,86	1,65
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,86	7,43
		<hr/>	

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

41. Phân chia lợi nhuận

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/PJICO-NQ-DHĐCĐ, tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức từ lợi nhuận của năm 2016 là 78.071.639.800 VND (tương ứng với 11.000 VND trên một cổ phiếu).

42. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”)		
<i>(Công ty mẹ)</i>		
Vốn góp	363.283.200.000	363.283.200.000
Các khoản phải thu	7.174.199.871	-
Các công ty thành viên Petrolimex		
<i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Các khoản phải thu	8.360.242.307	3.489.412.117
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex		
<i>(Công ty liên kết của Công ty mẹ)</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn	183.000.000.000	191.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi	6.588.344.447	7.602.327.778
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa		
Ô tô Petrolimex		
<i>(Công ty liên kết)</i>		
Vốn góp	1.350.000.000	1.350.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Giao dịch	Giai đoạn từ 1/1/2017 đến 30/6/2017 VND	Giai đoạn từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”) <i>(Công ty mẹ)</i>		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	104.108.728.360	154.493.855.957
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	113.288.050	4.845.099.619
Các công ty thành viên Petrolimex <i>(Công ty liên quan khác)</i>		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	102.376.071.179	82.970.856.797
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	11.728.603.033	4.697.863.529
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex <i>(Công ty liên kết của Công ty mẹ)</i>		
Doanh thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.478.264.643	5.168.580.148
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và thù lao	2.700.162.500	2.338.520.000

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

43. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà PJICO phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà PJICO có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình PJICO sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà PJICO gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Mục đích chính của khung quản lý rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Tổng Công ty từ các sự kiện cản trở Tổng Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Tổng Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Tổng Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Tổng Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Tổng Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của PJICO nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ với mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	127.465.406.225	131.692.553.054
Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	1.802.785.000.000	1.830.819.215.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(ii)	488.517.662.596	394.152.126.574
Trả trước cho người bán ngắn hạn	(ii)	2.053.877.482	2.279.180.037
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	58.846.884.225	54.219.757.122
Phải thu dài hạn khác	(ii)	11.702.885.439	11.533.394.107
Các khoản đầu tư dài hạn khác	(iii)	115.000.000.000	115.000.000.000
		2.606.371.715.967	2.539.696.225.894

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của PJICO chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho PJICO.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng, phải thu ngắn và dài hạn khác

Rủi ro tín dụng của PJICO chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, PJICO đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi PJICO đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. PJICO quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của PJICO có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với PJICO. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu của khách hàng đã bị giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị		Dự phòng nợ
	<i>181 – 360 ngày</i>	<i>Trên 360 ngày</i>	phải thu khó đòi
	VND	VND	VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.263.161.676	74.305.575.551	(71.224.394.275)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.715.940.304	68.606.021.462	(65.702.693.068)

(iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán dễ thanh khoản và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty. Với mức xếp hạng tín nhiệm cao nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của PJICO chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho PJICO.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng, phải thu ngắn và dài hạn khác

Rủi ro tín dụng của PJICO chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, PJICO đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi PJICO đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng cho khách hàng và các khoản phải thu khác. PJICO quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của PJICO có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với PJICO. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu của khách hàng đã bị giảm giá như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị		Dự phòng nợ
	<i>181 – 360 ngày</i>	<i>Trên 360 ngày</i>	phải thu khó đòi
	VND	VND	VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.263.161.676	74.305.575.551	(71.224.394.275)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.715.940.304	68.606.021.462	(65.702.693.068)

(iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán dễ thanh khoản và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty. Với mức xếp hạng tín nhiệm cao nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó PJICO không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý tài chính của PJICO là đảm bảo ở mức cao nhất rằng PJICO luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của PJICO.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán ngắn hạn	220.489.180.224	-	220.489.180.224
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.276.985.801	-	1.276.985.801
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	60.374.575.880	-	60.374.575.880
Phải trả dài hạn khác	-	2.047.237.300	2.047.237.300
	282.140.741.905	2.047.237.300	284.187.979.205
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán ngắn hạn	271.559.496.528	-	271.559.496.528
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.090.849.664	-	2.090.849.664
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25.134.389.915	-	25.134.389.915
Phải trả dài hạn khác	-	2.053.237.300	2.053.237.300
	298.784.736.107	2.053.237.300	300.837.973.407

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá chứng khoán sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của PJICO hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà PJICO nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

PJICO có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của PJICO. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

PJICO có các tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2017		31/12/2016	
	USD VND	Ngoại tệ khác VND	USD VND	Ngoại tệ khác VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.626.177.046	489.682.940	22.352.987.886	195.381.525
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	15.843.258.884	15.128.816.255	9.452.858.413	10.625.509.245
Phải thu về nhượng tái bảo hiểm	87.412.168.979	305.156.269	59.922.163.984	312.421.846
Nợ tài chính				
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	3.625.585.767	2.225.518.930	408.207.861	9.474.641.929
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	73.689.543.318	225.748.330	113.067.481.064	-
	40.566.475.824	13.472.388.204	(21.747.678.642)	1.658.670.687

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ được PJICO áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2017	31/12/2016
USD/VND	22.700	22.720

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của PJICO sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lãi thuần	
	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
USD (mạnh thêm 1%)	324.531.807	(173.981.429)

Biến động ngược lại của tỉ giá USD có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của PJICO.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của PJICO sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau.

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2017 VND	31/12/2016 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	127.465.406.225	131.692.553.054
Tiền gửi có kỳ hạn	1.802.785.000.000	1.830.819.215.000
Trái phiếu doanh nghiệp	85.000.000.000	85.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.015.250.406.225	2.047.511.768.054

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do PJICO nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban quản lý rủi ro phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của PJICO là 175 tỷ VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 3% tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm 921 triệu VND hoặc tăng 878 triệu VND.

44. Rủi ro bảo hiểm

Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tổng Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Tổng Công ty và yêu cầu Tổng Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tổng Công ty được quy định trong Thông tư 125.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017	31/12/2016
	VND	VND
I. Biên khả năng thanh toán (I = (1)-(2)-(3)-(4))	630.971.835.022	672.961.918.735
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	896.342.726.858	914.261.777.938
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	62.693.126.954	52.261.642.459
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	202.677.764.882	189.038.216.744
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	514.083.344.058	502.417.949.862
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	514.083.344.058	502.417.949.862
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	335.297.889.544	330.700.892.706
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	116.888.490.964	170.543.968.873
Theo tỷ lệ phần trăm	122,74%	133,94%

Biên khả năng thanh toán được tính toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 loại trừ ảnh hưởng của chỉ tiêu “Chi phí hoa hồng chưa phân bổ” và “Tài sản tái bảo hiểm” từ việc áp dụng Thông tư 232. Ban Tổng Giám đốc PJICO tin tưởng rằng việc loại trừ các chỉ tiêu trên phản ánh hợp lý hơn khi tính biên khả năng thanh toán.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B09a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính)

45. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Tăng vốn điều lệ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/PJICO-NQ-ĐHĐCĐ, tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của PJICO đã thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ tăng vốn phát hành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex. Theo đó, PJICO sẽ chào bán cổ phần riêng lẻ cho một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài. Thời gian phát hành cổ phần riêng lẻ sẽ được thực hiện sau khi PJICO được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc về việc thay đổi Vốn điều lệ và Ủy ban Chứng khoán chấp thuận cho PJICO được chào bán cổ phần riêng lẻ. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PJICO chưa nhận được phê duyệt từ Ủy ban Chứng khoán.

Ngày 1 tháng 8 năm 2017

Kế toán Tổng hợp

Chu Công Nguyên

Trưởng phòng Kế toán

Vương Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Đào Nam Hải